

Bản án số: 168/2026/HN&GD-ST

Ngày: 14/8/2026

V/v : Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thu và ông Nguyễn Sao Hôm

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên toà:
Ông Phạm Việt Hoàng - Kiểm sát viên*

Ngày 14/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 473/2026/TLST-HN&GD ngày 02 tháng 7 năm 2026 về việc: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2026/QĐXX-ST ngày 31/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Kim L – sinh năm 1996

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030196003447 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/7/2022

- Bị đơn: Anh Võ Hùng D – sinh năm 1988

Nơi cư trú: Thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng.

Số CCCD: 030088008193 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/9/2023

(Chị L, anh D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị Kim L trình bày: Tôi kết hôn với anh Võ Hùng D trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, được đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là UBND xã K), thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ chồng là ông Võ Văn K và bà Trương Thị Y ở thôn N, xã K. Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng 2 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, mỗi người một quan điểm, không có chung chí hướng, không có sự thấu hiểu, chia sẻ trong cuộc sống sinh hoạt gia đình cũng như tình cảm vợ

chồng dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không còn tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh D làm công việc sự kiện nên đi lại giờ giấc không theo quy định, lúc đi đêm, lúc đi ban ngày dẫn đến không có thời gian vợ chồng quan tâm đến nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng xa cách. Thêm vào đó, giữa chị và bố mẹ chồng có xảy ra những mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày nhưng anh D là người đứng giữa lại không kịp thời giải quyết triệt để những mâu thuẫn đó, dẫn đến mâu thuẫn giữa chị và bố mẹ chồng không được giải quyết. Khoảng tháng 5/2025, do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã về nhà ngoại ở gần đó nhưng anh D có đến nói chuyện thì chị đã quay trở về chung sống cùng anh D để cố gắng hàn gắn mối quan hệ tình cảm và để cho các cháu có bố có mẹ. Tuy nhiên từ thời điểm đó đến nay thì anh chị vẫn không hàn gắn được, gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng vợ chồng vẫn không quay lại được với nhau, vẫn tiếp tục sống ly thân nhau cho tới nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng có khoảng cách, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Võ Thanh B, sinh ngày 29/01/2017 và Võ Thu T, sinh ngày 17/9/2018. Nay ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Võ Thu T và để anh D nuôi dưỡng cháu Võ Thanh B. Chị tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm nghề tự do, thu nhập của chị hàng tháng là khoảng 10 triệu đồng, gia đình nhà đẻ của chị sẽ tạo điều kiện chỗ ăn ở sinh hoạt cho mẹ con chị sau khi ly hôn vì nhà mẹ chị ở gần nhà chị. Do vậy chị đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập anh D và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh D nhưng anh D không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, không gửi quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Trương Thị Y trình bày: Bà là mẹ đẻ anh D, còn chị L là con dâu bà. Anh D, chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng ông bà. Trong quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt, thời gian trước bà biết được giữa anh chị có xảy ra cãi nhau, tranh luận nhau dẫn đến chị L bỏ về nhà ngoại ở 20 ngày, thỉnh thoảng có thấy anh chị lời qua tiếng lại với nhau, anh D cũng chỉ tát chị L một lần nhưng sau đó gia đình đã động viên và khuyên bảo anh D. Lần gần đây nhất chị L đã bỏ về nhà ngoại ở, không còn ở nhà bà nữa. Bà cũng đã trao đổi nói chuyện với chị L, anh D nhưng chị L cũng nói với ông bà là ly hôn anh D, còn anh D xác định đã biết chị L gửi đơn ly hôn lên Tòa án. Tòa án cũng đã gửi giấy và liên hệ với anh D nhưng do anh Dương B1 không đến Tòa án làm việc được, anh D có nói với bà chắc vợ chồng con không ở được với nhau nữa. Anh D, chị L có 02 con chung: Võ Thanh B – sinh ngày 29/01/2017 và Võ Thu T – sinh ngày 17/9/2018. Trường hợp anh chị ly hôn thì anh D có nguyện vọng được trực tiếp

nuôi dưỡng cháu Võ Thanh B, còn cháu T thì giao cho chị L nuôi, không ai phải chu cấp. Ông bà sẽ có tạo điều kiện trông con giúp anh D khi anh D đi làm.

Tại biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị B2 xác định: Bà là mẹ đẻ chị L. Anh D và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh D. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Nguyên nhân do bà được biết anh D không quan tâm gì đến gia đình, vợ chồng ít có thời gian nói chuyện với nhau, mâu thuẫn giữa chị L và gia đình chồng nên càng căng thẳng. Chị L đã có lần về nhà bà nhưng sau đó anh D đến động viên thì vợ chồng lại quay về. Nhưng chỉ được thời gian thì chị L bỏ hẳn về nhà bà, còn anh Dương G cũng không đến động viên, tìm gặp chị L. Mâu thuẫn của vợ chồng cũng đã được gia đình khuyên bảo nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể hàn gắn được. Nay chị L xin ly hôn anh D, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L để chị L ổn định cuộc sống. Chị L và anh D có 02 con chung Võ Thanh B và Võ Thu T. Nếu chị L được nuôi con thì bà sẽ tạo điều kiện trông con, tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt cho mẹ con chị L.

Tại biên bản xác minh tại thôn N xác định: Chị L và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại gia đình bố mẹ anh D. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng lời qua tiếng lại với nhau và hiện mỗi người sống một nơi, chị L về nhà mẹ đẻ ở không ở cùng gia đình anh D nữa.

Tại phiên tòa:

- Chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn anh D, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cháu Võ Thu T và tự nguyện giao con chung Võ Thanh B cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh D đồng ý ly hôn với chị L và có nguyện vọng được nuôi cháu Võ Thanh B, còn cháu Võ Thu T giao cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xứ: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Kim L và anh Võ Hùng D. Về con chung: Giao con chung Võ Thanh B - sinh ngày 29/01/2017 cho chị L; giao con chung Võ Thu T - sinh ngày 17/9/2018 cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị Kim L yêu cầu xin ly hôn anh Võ Hùng D và giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh D cư trú tại thôn N, xã K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Kim L và anh Võ Hùng D kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương (nay là UBND xã K, thành phố Hải Phòng) là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị L thì thấy rằng: Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L là do anh chị trong cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng có sự xa cách, sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, thường xuyên xảy ra cãi nhau, không có sự tôn trọng yêu thương nhau. Anh D cũng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ hôn nhân với chị L, vắng mặt tại phiên hoà giải. Chị L kiên quyết ly hôn với anh D, anh D đồng ý ly hôn với chị L. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị Kim L xin được ly hôn anh Võ Hùng D là phù hợp với Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L, anh D có 02 con chung: Võ Thanh B, sinh ngày 29/01/2017 và Võ Thu T, sinh ngày 17/9/2018. Xét thấy chị L và anh D cùng thỏa thuận thống nhất giao con chung: Võ Thanh B cho anh D, giao con chung Võ Thu T cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung và hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy chị L, anh D đều có công việc, thu nhập ổn định, nguyện vọng nuôi con chung là chính đáng, phù hợp giữa các bên và vẫn đảm bảo cuộc sống của các con chung nên cần giao con chung Võ Thu T cho chị L; giao con chung Võ Thanh B cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L, anh D đều không yêu cầu Tòa án

giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L tự nguyện nộp án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị Kim L và anh Võ Hùng D.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của chị L, anh D: Giao con chung Võ Thu T, sinh ngày 17/9/2018 cho chị Vũ Thị Kim L; giao con chung Võ Thanh B, sinh ngày 29/01/2017 cho anh Võ Hùng D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L, anh D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Kim L tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/26E số 0000052 ngày 02/7/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, anh D. Chị L, anh D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự TP Hải Phòng;
- Ủy ban nhân dân xã Kim Thành;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hạnh

